

Bản án số: 64/2024/DS-ST

Ngày: 27/03/2024

V/v TrAh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIAG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **ÂU THỊ THẢO**.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **ĐỖ DUY HÙNG**.
2. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**.
- Thư ký phiên tòa: Ông **HỨA QUỐC THÁI** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền GiAg.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền GiAg tham gia phiên tòa: Bà **NGUYỄN VÕ LIÊN ANH** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền GiAg xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2024/TLST- DS ngày 04 tháng 01 năm 2024 về trAh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **PHA THỊ TH**, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp 2, xã Tân Th, huyện Cái B, tỉnh Tiền G (có mặt)

* **Bị đơn:** Ah **VÕ VĂN L**, sinh năm 1983 (có mặt)

Chị **NGUYỄN TH A**, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 2, xã Tân Th, huyện Cái B, tỉnh Tiền G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Pha Thị Th trình bày:

Do quen biết nên chị có cho vợ chồng Ah L, chị A vay tiền nhiều lần cụ thể như sau: Vào ngày 18/7/2022 âm lịch chị Th cho vợ chồng ông L, bà A vay số tiền là 60.000.000 đồng. Vào ngày 01/8/2022 âm lịch chị Th cho vợ chồng ông L, bà A vay số tiền là 70.000.000 đồng. Vào ngày 11/8/2022 âm lịch cho vợ chồng Ah L, chị A vay số tiền là 80.000.000 đồng. Vào ngày 23/3/2023 âm lịch cho vợ chồng Ah L, chị A vay số tiền là 5.000.000 đồng. Tổng cộng chị Th cho cho vợ chồng Ah L vay số tiền là 215.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay vợ chồng Ah L không thực hiện trả số tiền nợ vay cho chị. Hai bên có lập thỏa thuận bằng tờ giấy vay tiền và cam kết trả nợ, không có ghi thời giA trả nợ nhưng có thỏa thuận

bằng miệng khi vay khoảng vài ngày sau thì Ah L, chị A sẽ trả khi vay được tiền ngân hàng để trả lại cho chị, nhưng vợ chồng Ah L hứa lần hứa lượt không thực hiện việc trả nợ cho chị. Khi các lần vay tiền thì đều có mặt bà Nguyễn Th A cùng đi với Ah L nhưng chỉ mình Ah L ký tên vào biên nhận. Các biên nhận đều do Ah L viết. Chị Th xác định cho vợ chồng Ah L vay tiền không có thỏa thuận lãi suất.

Vào ngày 18/01/2024 chị Th xin rút lại yêu cầu tính lãi không yêu cầu tính lãi trên tổng số tiền vay là 215.000.000 đồng.

Nay chị Th yêu cầu Ah L và chị A phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị số tiền nợ vay là 215.000.000 đồng yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Theo tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại Tòa bị đơn Ah Võ Văn L trình bày:

Ah thừa nhận có vay các lần tiền như chị Th trình bày cụ thể là: Vào ngày 18/7/2022 âm lịch Ah vay số tiền là 60.000.000 đồng. Vào ngày 01/8/2022 âm lịch Ah vay số tiền là 70.000.000 đồng. Vào ngày 11/8/2022 âm lịch Ah vay số tiền là 80.000.000 đồng. Vào ngày 23/3/2023 âm lịch Ah vay số tiền là 5.000.000 đồng. Ah thừa nhận có vay tiền của chị Th tổng cộng các lần là 215.000.000 đồng. Khi vay tiền có làm biên nhận làm tin và không thỏa thuận ngày trả tiền vay Ah là người viết biên nhận và Ah tự ghi tên vợ Ah là chị Nguyễn Th A vào biên nhận chứ chị A không có biết và không tham gia vay tiền của chị Th. Trong các biên nhận vay tiền mà Ah ký tên vay tiền của chị Th thì chị Th đều kê khai cộng thêm lãi suất vào. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 1.000.000đồng trên 01 tháng là 70.000 đồng Ah có đóng lãi khoảng 40 triệu tiền mặt nhưng chỉ thỏa thuận miệng không có làm giấy tờ gì đối với phần tiền Ah đóng lãi cho chị Th. Ah L xác định vào khoảng tháng 9 năm 2023 Ah có trả cho chị Th số tiền là 2.000.000 đồng lúc đó chị Th nhận tiền và không có làm giấy tờ. Ah xác định còn nợ lại chị Th số tiền là 213.000.000 đồng. Mục đích vay của Ah để phục vụ cho đời sống gia đình.

Nay Ah đồng ý trả cho chị Th số tiền nợ vay là 213.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ nêu trên. Ah không đồng ý với yêu cầu của chị Th yêu cầu chị Nguyễn Th A cùng trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ vay là 213.000.000 đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Th A vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện nêu trên. Bị đơn Ah L vẫn giữ nguyên ý kiến và lời trình bày nêu trên.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cứ vào các Điều 463; Điều 466; Điều 92 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị A, Ah L phải có trách nhiệm trả cho chị Th số tiền nợ vay là 215.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả traAh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

TrAh chấp giữa chị PhA Thị Th và Ah Võ Văn L và chị Nguyễn Th A là trAh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Chị Nguyễn Th A vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nên căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị A là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ kiện:

Nguyên đơn xác định bị đơn có vay của nguyên đơn và còn nợ lại số tiền là 215.000.000 đồng hai bên có làm biên nhận nợ với nhau vào các ngày 11/8/2022 âm lịch; ngày 18/7/2022 âm lịch, ngày 01/8/2022 âm lịch, ngày 23/3/2023 âm lịch, không có ghi thời giA trả nợ nhưng có thỏa thuận bằng miệng khi vay khoảng vài ngày sau thì Ah L, chị A sẽ trả khi vay được tiền ngân hàng để trả cho nguyên đơn, nhưng vợ chồng Ah L hứa lần hứa lượt không thực hiện việc trả nợ cho nguyên đơn. Nay phía nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn trả số tiền nợ gốc tổng cộng là 215.000.000 đồng. Còn phía bị đơn Ah L cũng thống nhất số tiền nợ 215.000.000 đồng. Vào khoảng tháng 9 năm 2023 bị đơn Ah L có có trả cho chị Th số tiền là 2.000.000 đồng lúc đó chị Th nhận tiền và không có làm giấy tờ. Ah xác định còn nợ lại chị Th số tiền là 213.000.000 đồng và bị đơn đồng ý trả số tiền nợ nêu trên nhưng bị đơn xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ nêu trên đồng thời bị đơn Ah L không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu chị A cùng liên đới với Ah trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án các biên nhận là giấy vay tiền và cam kết trả nợ đề vào ngày ngày 11/8/2022 âm lịch; ngày 18/7/2022 âm lịch, ngày 01/8/2022 âm lịch, ngày 23/3/2023 âm lịch biên nhận nêu trên thể hiện phía bị đơn là người trực tiếp xác lập công nợ với số tiền nợ theo các biên nhận là 215.000.000 đồng, từ khi xác nhận biên nhận cho đến nay thì bị đơn chưa thực hiện trả số tiền nợ gốc nào cho nguyên đơn, có chữ ký tên xác nhận của bị đơn trong biên nhận nêu trên. Thêm vào đó, bị đơn thừa nhận còn nợ lại nguyên đơn số tiền là 215.000.000 đồng chưa trả. Đồng thời, nguyên đơn đã xác định kể từ khi vay tiền cho đến nay thì bị đơn chưa thực hiện trả cho nguyên đơn thêm số tiền vốn. Ngoài ra, bị đơn Ah L cho rằng vào khoảng tháng 9 năm 2023 Ah L có trả cho nguyên đơn số tiền là 2.000.000 đồng và chỉ còn nợ lại nguyên đơn số tiền là 213.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận nội dung này vì trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay thì bị đơn cũng chỉ trình bày là có trả cho nguyên đơn nhưng không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn cũng xác định là khi trả chỉ thỏa thuận miệng không có lập văn bản thỏa thuận nào về việc trả số tiền 2.000.000 đồng này nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày này từ phía bị đơn. Mặt khác, bị đơn cũng đồng ý trả cho số tiền nêu trên nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho khi hết số nợ nêu trên. Hơn thế nữa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Th A là vợ của Ah L cùng liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ là 215.000.000 đồng là có cơ sở

chấp nhận bởi lẽ, phía bị đơn chị A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng thông báo về việc nguyên đơn khởi kiện nhưng chị A vắng mặt không có lý do xem như chị tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Ah L trình bày là vợ hợp pháp của Ah L theo quy định của pháp luật mục đích thực hiện vay của nguyên đơn để phục vụ nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình theo Điều 27; 37 của Luật hôn nhân và gia đình nên chị A phải có trách nhiệm liên đới trả nợ chung với Ah L. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, phía chị A không có ý kiến phản đối nên nguyên đơn yêu cầu Ah L, chị A liên đới trả số tiền trên là có cơ sở phù hợp theo quy định của pháp luật.

Xét thấy phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gây thiệt thòi quyền L cho phía nguyên đơn. Việc bị đơn xin trả dần không được sự đồng ý của nguyên đơn và cố tình kéo dài việc trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và L ích hợp pháp của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. Từ đó, xác định việc bị đơn có vay tiền của nguyên đơn và hiện còn thiếu nợ lại nguyên đơn số tiền 215.000.000 đồng là có thật theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và Tòa án có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn Ah Võ Văn L và chị Nguyễn Th A phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn chị PhA Thị Th số tiền vay vốn còn thiếu là 215.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] **Vấn đề lãi suất:** Tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 18/01/2024 xin rút lại yêu cầu trả lãi theo quy định của pháp luật trên số tiền nợ gốc 215.000.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của phía nguyên đơn phù hợp theo quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử ghi nhận. Từ đó, đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút như trên.

[5] **Về án phí:** Bị đơn Ah L, chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quaA điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35; Điều 92, Điều 235, Điều 266, Điều 267 và Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự;
- Căn Cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị PhA Thị Th.
- Buộc Ah Võ Văn L và chị Nguyễn Th A có trách nhiệm trả cho chị PhA Thị Th số tiền vay còn nợ tổng cộng là: **215.000.000** đồng (Hai trăm mười lăm triệu đồng).

- Kể từ ngày chị Th có đơn yêu cầu thi hành án nếu Ah L, chị A chậm thi hành đối với phần tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị PhA Thị Th về việc yêu cầu Ah Võ Văn L và chị Nguyễn Th A trả phần tiền lãi suất theo quy định pháp luật trên phần nợ 215.000.000 đồng.

VỀ ÁN PHÍ:

- Ah Võ Văn L và chị Nguyễn Th A phải chịu 10.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị PhA Thị Th số tiền 6.750.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0014827 ngày 04/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

VỀ QUYỀN KHÁNG CÁO: Chị Th, Ah L có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với chị A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ÂU THỊ THẢO

